

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
XÃ PHIÊNG PẦN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 24/NQ-HĐND

Phiêng Pần, ngày 23 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về dự toán thu, chi ngân sách địa phương xã Phiêng Pần năm 2026

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ PHIÊNG PẦN
KỶ HỌP THỨ HAI

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 15/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 1681/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Sơn La năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật NSNN;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 141/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh về ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Sơn La; Nghị quyết số 142/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La về quy định nguyên tắc tiêu chí và mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 595/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán thu, chi ngân sách nhà nước tỉnh Sơn La năm 2026; Nghị quyết số 596/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân bổ dự toán chi ngân sách cấp tỉnh và mức bổ sung cân đối ngân sách cho các xã, phường năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 3188/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026; Quyết

định số 3189/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về việc ban hành quy định quản lý, điều hành ngân sách địa phương năm 2026;

Xét đề nghị của UBND xã tại Tờ trình số 121/TTr-UBND ngày 18/12/2025; Báo cáo thẩm tra số 07/BC-BKTNS ngày 19/12/2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND xã và tổng hợp ý kiến thảo luận tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Dự toán thu, chi ngân sách xã năm 2026, như sau:

1. Tổng thu ngân sách nhà nước năm 2026: 196.603,0 triệu đồng. Cụ thể:

- Thu từ các sắc thuế: 1.950,0 triệu đồng.

Trong đó:

+ Thu điều tiết ngân sách trung ương: 105,0 triệu đồng.

+ Thu điều tiết ngân sách tỉnh: 416,0 triệu đồng.

+ Thu điều tiết ngân sách xã: 1.429,0 triệu đồng.

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh: 194.653,0 triệu đồng.

2. Tổng chi ngân sách địa phương năm 2026: 196.082,0 triệu đồng. Cụ thể:

2.1. Chi đầu tư phát triển: 0 đồng.

2.2. Chi thường xuyên: 191.981,0 triệu đồng.

Gồm:

- Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 133.336,0 triệu đồng.

- Chi sự nghiệp y tế: 6.149,0 triệu đồng.

- Sự nghiệp kinh tế, môi trường : 6.364,5 triệu đồng.

- Chi sự nghiệp văn hoá - thông tin - thể dục thể thao - truyền thanh - truyền hình: 875,80 triệu đồng.

- Chi đảm bảo xã hội: 12.207,0 triệu đồng.

- Chi quản lý hành chính: 28.171,2 triệu đồng.

- Chi an ninh- quốc phòng và đối ngoại: 4.997,0 triệu đồng.

- Chi từ thu tiền sử dụng đất: 179,0 triệu đồng.

2.3. Dự phòng ngân sách: Nguồn dự phòng ngân sách năm 2026 là **3.922,0 triệu đồng** chiếm 2% tổng chi ngân sách xã.

3. Thu, chi quản lý qua ngân sách

3.1. Thu quản lý qua ngân sách: 46,9 triệu đồng (Quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ phòng chống thiên tai,...).

3.2. Chi quản lý qua ngân sách: 46,9 triệu đồng (Quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ phòng chống thiên tai,...).

(có Phụ lục chi tiết kèm theo) 

4. Giải pháp thực hiện hiệu quả dự toán ngân sách năm 2026

4.1. Thu ngân sách

- Dự toán thu NSNN năm 2026, xây dựng theo đúng quy định của Luật NSNN, chỉ đạo của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Tài chính, của UBND tỉnh và các Sở, ngành của tỉnh, đảm bảo đúng chính sách, chế độ hiện hành và sát với phát sinh thực tế của địa phương; tổng hợp đầy đủ các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác vào NSNN; trên cơ sở đánh giá sát khả năng thực hiện năm 2025, các yếu tố khác ảnh hưởng đến nguồn thu, căn cứ các chính sách, pháp luật về thu ngân sách; dự báo mức tăng trưởng kinh tế của từng ngành, từng lĩnh vực, tình hình sản xuất kinh doanh của người nộp thuế trên địa bàn; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế, chống thất thu thuế; ngăn chặn các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất, kinh doanh hàng giả; tích cực đôn đốc thu nợ thuế và áp dụng các biện pháp cưỡng chế thuế theo quy định, hạn chế nợ mới phát sinh, thu hồi kịp thời số tiền thuế, tiền phạt.

- Đảm bảo nguyên tắc: Thu đúng, thu đủ, kịp thời và sát với nguồn thu phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh; tăng thu từ tiền sử dụng đất, thu triệt để các khoản thu mới phát sinh; số tiền thu phát sinh (phần tăng thu) so với dự toán HĐND tỉnh giao, sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật NSNN; tập trung cao cho công tác giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch, đấu giá quyền sử dụng đất để tạo nguồn thu từ đất. Dự toán giao thu ngân sách trên địa bàn năm 2026 trình HĐND xã giao trên cơ sở HĐND tỉnh giao. Ngoài ra UBND xã giao nhiệm vụ thu sự nghiệp theo quy định của pháp luật cho các đơn vị sự nghiệp theo phân cấp.

4.2. Chi ngân sách

- Thực hiện theo quy định của Luật NSNN, Luật đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thi hành luật NSNN, Luật đầu tư công, Nghị quyết của HĐND tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ chi thường xuyên NSDP năm 2026; tiêu chuẩn, định mức chi tiêu được cấp có thẩm quyền ban hành.

- Bố trí dự toán chi đầu tư phát triển năm 2026 phải đảm bảo thực hiện các mục tiêu và định hướng phát triển kinh tế - xã hội 3 năm 2026 - 2028 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026; thực hiện theo các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước.

- Điều hành quyết liệt, quản lý thu, chi NSNN năm 2026 tích cực, chủ động chặt chẽ; đúng quy định, chống lãng phí; nâng cao hiệu quả sử dụng NSNN, theo dõi sát diễn biến tình hình để có giải pháp phù hợp phần đầu hoàn thành dự toán được giao. Thực hiện rà soát, sắp xếp các nhiệm vụ chi thường xuyên; tiết kiệm triệt để ngay từ khâu phân bổ dự toán và trong quá trình thực hiện; cắt giảm tối đa và công khai các khoản chi khánh tiết, hội nghị, hội thảo, lễ hội, động thổ, khởi công, khánh thành công trình.

- Chi thường xuyên trên cơ sở dự toán được bố trí đúng định mức, nguyên tắc, tiêu chí, tỷ lệ tiết kiệm đảm bảo yêu cầu tăng tự chủ, tinh giản biên chế và tạo nguồn cải cách tiền lương, đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán được cấp trên giao. 

- Tiếp tục quán triệt triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, phù hợp khả năng cân đối nguồn lực ngay từ khâu xác định nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện năm 2026 và kế hoạch tài chính - ngân sách địa phương 2026 - 2028. Xây dựng và triển khai dự toán ngân sách gắn với định hướng phát triển, đảm bảo tính bền vững.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động tài chính của các đơn vị dự toán; quan tâm thực hiện công tác tự kiểm tra, công tác giám sát cộng đồng của nhân dân nhằm nâng cao trách nhiệm của các cấp ngân sách, chủ tài khoản các đơn vị dự toán trong công tác quản lý, điều hành ngân sách và thực hiện các dự án đầu tư xây dựng.

- Đẩy mạnh thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng.

- Các cơ quan, đơn vị chỉ đạo điều hành quyết liệt, quản lý thu, chi NSNN năm 2026 tích cực, chủ động, chặt chẽ; đúng quy định, chống lãng phí; nâng cao hiệu quả sử dụng NSNN, theo dõi sát diễn biến tình hình để có giải pháp phù hợp phân bổ hoàn thành dự toán được giao.

- Các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm kỷ luật tài chính, NSNN. Hạn chế tối đa việc đề xuất ứng trước dự toán, rà soát, quản lý chặt chẽ các khoản chi chuyển nguồn, dự toán trong năm. Xử lý nghiêm minh, đúng quy định của pháp luật đối với các hành vi tham nhũng, lãng phí trong sử dụng NSNN và tài sản công. Siết chặt kỷ luật tài chính ngân sách; quản lý chặt chẽ các khoản chi NSNN theo đúng dự toán được giao, giải ngân vốn trong phạm vi kế hoạch trong hạn mức được giao.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã, các vị đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Phiêng Pần, kỳ họp thứ hai thông qua ngày 23/12/2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Sở Tài chính;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Ban Thường trực UBMTTQVN xã;
- Các Ban HĐND xã;
- Các vị Đại biểu HĐND xã;
- Các phòng, ban, đơn vị, đoàn thể của xã;
- Ban Quản lý các bản;
- Cổng thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Hà Xuân Liêm

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 của HĐND xã Phiêng Pắn)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện năm 2025	Dự toán năm 2026	So sánh (3)	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	207.289,12	217.394,54	196.603,00	(10.686,12)	94,84
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	771,00	1.589,00	1.950,00	1.179,00	252,92
-	Thu NSDP hưởng 100%	771,00	1.589,00	1.429,00	658,00	185,34
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia			521,00	521,00	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	206.518,12	206.518,12	194.653,00	(11.865,12)	94,25
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	96.015,05	96.015,05	194.653,00	98.637,95	202,73
2	Thu bổ sung có mục tiêu	110.503,07	110.503,07	-	(110.503,07)	-
III	Thu kết dư		686,72		-	
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		8.600,70		-	
B	TỔNG CHI NSDP	200.727,07	197.922,02	196.082,00	(4.645,07)	97,69
I	Tổng chi cân đối NSDP	200.727,07	197.922,02	196.082,00	(4.645,07)	97,69
1	Chi đầu tư phát triển (1)			-	-	
2	Chi các CTMTQG	4.371,80	6.643,75		(4.371,80)	
3	Chi thường xuyên	186.527,87	186.527,87	191.981,00	5.453,13	102,92
4	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất			179,00	179,00	
5	Dự phòng ngân sách	1.960,40	1.960,40	3.922,00	1.961,60	200,06
6	Chuyển nguồn năm 2024 sang năm 2025	7.867,00	2.790,00		(7.867,00)	-

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026
(Kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 của HĐND xã Phiêng Pằn)

Đơn vị: triệu đồng

ST T	Nội dung	Ước thực hiện năm 2025		Tinh giao	Dự toán năm 2026			So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP		Tổng thu NSTW	Tổng thu NS Tỉnh	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4		5	6=4/1	7=5/2
	TỔNG THU NSNN	207.289,12	217.394,54	196.603,00	105,00	416,00	196.082,00	0,05	90,20
A	Thu cân đối ngân sách	207.289,12	208.107,12	196.603,00	105,00	416,00	196.082,00	0,05	94,22
I	Thu nội địa	771,00	1.589,00	1.950,00	105,00	416,00	1.429,00	13,62	89,93
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	337,00	250,70	220,00	-		220,00	-	87,75
2	Thuế thu nhập cá nhân	186,00	170,00	130,00	-		130,00	-	76,47
3	Lệ phí trước bạ	8,00	950,00	600,00	-		600,00	-	63,16
4	Thu phí, lệ phí	79,70	139,30	50,00	-		50,00	-	35,89
5	Thu khác ngân sách	40,30	70,00	70,00	-		70,00	-	100,00
6	Thu từ đất công ích, hoa lợi công sản	120,00	9,00	180,00	-		180,00	-	2.000,00
7	Thu tiền sử dụng đất	-	-	700,00	105,00	416,00	179,00		
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	206.518,12	206.518,12	194.653,00			194.653,00		
B	Thu Chuyển nguồn		8.600,70						
C	Thu kết dư		686,72						

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 của HĐND xã Phiêng Pần)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Dự toán năm 2026	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	5=2-1	6=2/1
	TỔNG CHI NSDP	200.727,07	196.082,00	(4.645,07)	97,69
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	196.355,27	196.082,00	(273,27)	99,86
I	Chi đầu tư phát triển (1)		-	-	
II	Chi thường xuyên	186.527,87	191.981,00	5.453,13	102,92
1	Sự nghiệp giáo dục và đào tạo	130.611,97	133.336,00	2.724,03	102,09
2	Chi sự nghiệp y tế		6.149,00	6.149,00	
3	Chi sự nghiệp kinh tế	456,60	6.029,50	5.572,90	1.320,52
4	Chi sự nghiệp Văn hoá - thông tin, TTTD, THTH	90,00	875,80	785,80	973,11
5	Chi đảm bảo xã hội	9.240,10	12.207,00	2.966,90	132,11
6	Chi quản lý hành chính	46.129,20	28.171,20	(17.958,00)	61,07
7	Chi An ninh - Quốc Phòng	4.283,80	4.997,00	713,20	116,65
8	Chi sự nghiệp môi trường		215,50	215,50	
9	Chi khác			-	
III	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	-	179,00	179,00	
IV	Dự phòng ngân sách	1.960,40	3.922,00	1.961,60	200,06
V	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			-	
IV	Chuyển nguồn năm 2024 sang năm 2025	7.867,00			
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	4.371,80		(4.371,80)	